**DANH MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**(*ĐƯỢC NGHIỆM THU VÀ ĐÃ ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN*) NĂM 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ** | **Tổ chức chủ trì NV** | **Chủ nhiệm NV** | **Cá nhân tham gia** | **Mục tiêu** | **Kết quả thực hiện (tóm tắt)** | **Thời gian bắt đầu** | **Thời gian kết thúc** | **Kinh phí (Triệu đồng)** | **Cấp thực hiện** |
| 1 | Định hướng đầu tư khu di tích lịch sử Căn cứ Trung Ương Cục Miền Nam (huyện Tan Biên, tỉnh Tây Ninh) thông qua phương pháp phân khúc khách hàng | Trường Đại học Quốc tế | TS. Bùi Quang Thông | TS. Lê Văn Chơn; ThS. Ngô Minh Tân; ThS. Vũ Thúy Mai Uyên; ThS. Võ Vương Bách; ThS. Trần Gia Trung Đỉnh; CN Phan Thanh Nhàn; CN Vương Quốc Đạt; CN Trần Thị Việt Trinh; CN Tăng Ngọc Khánh Linh | 1. Xác định những lợi ích mong đợi khi quyết định chọn lựa tham quan khu  di tích của khách tham quan và chưa tham quan  2. Xác định mức độ đánh giá của khách tham quan đối với những yếu tố trên  3. Phân khúc khách tham quan và chưa tham quan khu di tích thành các nhóm  khách hàng với lợi ích mong đợi khác nhau và xác định nhóm khách hàng  mục tiêu  4. Xây dựng hệ thống nhận diện hình ảnh cho khu di tích  5. Đề xuất giải pháp thu hút khách hàng và xây dựng kế hoạch định hướng  đầu tư phát triển khu di tích | Trên cơ sở kết quả nghiên cứu định tính, nhóm nghiên cứu tiến hành xây dựng thang đo và câu hỏi khảo sát. Kết quả là có hai mươi lăm biến quan sát thuộc bảy nhóm lợi ích mong đợi, trong đó có sáu nhóm giống như kết quả nghiên cứu định tính và thêm một nhóm mới tên là Hướng dẫn viên được tách ra từ nhóm chủ đề Dịch vụ. Khảo sát điều tra được tiến hành tai Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh, thu về 388 mẫu trả lời, trong đó có 341 là đạt yêu cầu đưa vào phân tích. Kết quả phân tích cho thấy có thể phân khúc du khách thành năm nhóm chính, với tên đề xuất như sau: nhóm3 Chia sẻ khó khăn, Kỳ vọng trung bình, Vô tư, Chưa đồng cảm và Kỳ vọng cao. Đặc điểm chính của các nhóm như sau:  Nhóm Chia sẻ khó khăn: Nhóm này đa số có độ tuổi từ 17 đến 55, có tỉ lệ nữ cao hơn nam, có tỉ lệ làm công viên chức và lao động tự do tương đối cao. Nhóm này quan trọng các giá trị của khu di tích như niềm tự hào, dấu tích lịch sử, kiến thức, hướng dẫn viên. Nhóm này không quan trọng lắm thiên nhiên, dịch vụ khi tham quan. Điểm đặc biệt của nhóm này so với các nhóm khác là nhóm này không quantrọng vấn đề giao thông.Nhóm kỳ vọng trung bình: nhóm này có độ tuổi đa số từ 17-45, nghề nghiệp đa dạng, đa số làm trong tổ chức nhà nước. Biết khu di tích chủ yếu thông qua báo giấy và báo mạng. Mục đích đi thăm chính là ôn lại truyền thống lịch sử và đa số đi tham  quan theo đoàn. Đối với khu di tích, nhóm này quan trọng trung bình tất cả các giá trị lợi ích, nhưng không quan trọng lắm yếu tố thiên nhiên. Nhóm Vô tư: nhóm này có tỉ lệ trẻ từ 17-25 cao, tỉ lệ nữ cao, và tỉ lệ học sinh và sinh  viên cao. Tỉ lệ đi tham quan bằng xe máy cá nhân cũng cao hơn các nhóm khác. Ý định đi tham quan (nếu chưa đi), hoặc đi tham quan lại cũng như ý định giới thiệu người quen đi khá thấp. Nhóm này không quan trọng tất cả các giá trị mà khu di tích mang lại, và cũng không quan trọng vấn đề giao thông. Nhóm Chưa đồng cảm: tỉ lệ nữ rất cao (75%), tỉ lệ chưa biết khu di tích cao (41.7%), tỉ lệ chưa tham quan cao (50%). Mục đích chính của việc tham quan khu di tích là để giải trí, và đây là điểm chính khác so với các nhóm khác. Nhóm này quan trọng các giá trị sau: kiến thức, dịch vụ, hướng dẫn viên, giao thông và dấu tích lịch sử. Nhưng nhóm này lại không quan trọng yếu tố niềm tự hào khi đi tham quan khu di tích. Nhóm Kỳ vọng cao: nhóm này đa số có độ tuổi từ 26 trở lên, tỉ lệ nam cao hơn nữ, có tỉ lệ là công chức/ viên chức/ văn phòng hoặc cựu chiến binh cao; Đa số đã đi tham quan khu di tích và các chuyến đi là bằng ô tô đoàn. Ý định đi tham quan (lại) và giới thiệu người thân đi rất cao, và mục đích chính khi đi tham quan là ôn lại truyền thống. Nhóm này yêu cầu rất cao tất cả các lợi ích mong đợi đã nêu ở phần trên. Để xây dựng định hướng đầu tư, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích IPA. Kết quả  cho thấy, khu di tích đang làm khá tốt những yếu tố mà khách hàng rất quan trọng bao gồm: Niềm tự hào, kiến thức, dấu tích lịch sử và hướng dẫn viên. Giao thông (gồm thời gian di chuyển và chất lượng đường sá) là yếu tố du khách rất quan trọng và chưa hài lòng. Các yếu tố về thiên nhiên du khách không quan trọng nhưng lại đang hài lòng. Và cuối cùng, rất đáng chú ý, các yếu tố liên quan đến dịch vụ (bao gồm lưu trú, ẩm thực, giải trí) tuy khách hàng đánh giá chưa cao, nhưng khách hàng cũng không quan trọng. | Tháng 07/2018 | Tháng 01/2019 | 326.6 | Cấp tỉnh |
| 2 | Lịch sử phong trào các mạng của phụ nữ Tây Ninh (1945/2015) | Hội Liên hiệp phụ nữ Tây Ninh | CN Võ Thị Bạch Tuyết | ThS. Phan Thị Thùy Vân; CN Lê Thị Ngọc Yến; CN Lưu Thanh Hằng; CN Trần Thanh Phong; CN Nguyễn Thị Thu Nga; ThS Mang Hà Thúy Phượng; CN Võ Thị Hồng Út; CN Nguyễn Thị Mỹ Kiều | Ghi lại bức tranh toàn cảnh, diễn biến, kết quả của phong trào cách mạng của phụ nữ Tây Ninh từ năm 1945 đến năm 2015, đặc biệt là những cống hiến, hy sinh, đóng góp của tầng lớp phụ nữ qua 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trong xây dựng đất nước, qua đó thể hiện vai trò của phong trào phụ nữ trong đời sống xã hội nói chung, trong công cuộc đấu tranh cách mạng xây dựng và bảo vệ đất nước.  Tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, anh hùng, bất khuất của phụ nữ Việt Nam; qua đó giúp các tầng lớp phụ nữ tiếp tục giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của thế hệ trước, đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức của phụ nữ thời kỳ mới “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”, đóng góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu mạnh.  Nêu bật những thành tựu, những bước ngoặt lịch sử của phong trào phụ nữ Tây Ninh từ năm 1945 đến năm 2015 và những hạn chế trong quá trình đấu tranh, trong xây dựng phong trào cách mạng, từ đó rút ra ý nghĩa, bài học kinh nghiệm để xây dựng phong trào trong thời gian tiếp theo. | Trong suốt chiều dài đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, với truyền thống Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang, phụ nữ Tây Ninh luôn nêu cao tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, “Thà hy sinh tất cả, chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Trong chiến tranh, các cô, các dì vừa là những chiến sĩ cách mạng kiên cường, bất khuất, vừa là những người mẹ, người vợ, là hậu phương vững chắc cho tiền tuyến, qua đó góp phần quan trọng và to lớn vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.  88 năm qua kể từ khi tổ chức Hội phụ nữ Việt Nam ra đời và theo nhiệm kỳ Đại hội thì Hội phụ nữ Tây Ninh được thành lập vào năm 1948, đến nay đã 70 năm hình thành, phát triển, vị thế, vai trò của phụ nữ được nâng lên rõ rệt, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao trong tình hình mới. Từ trong những năm trường kỳ kháng chiến, kể sao cho hết những người mẹ, người chị, người vợ ban ngày “quần vo đến gối” lo sản xuất, nuôi sống gia đình, dạy dỗ con khôn và trăn trở thâu đêm tìm mọi cách đối phó với sự đe dọa, bắt bớ chồng, con mình đi lính hoặc canh gác, đào hầm nuôi giấu, bảo vệ cán bộ, bất kể súng đạn, lưỡi lê, tù đày, tan nhà nát cửa vẫn hiên ngang, mặt đối mặt đấu tranh một mất một còn với kẻ thù.  Nhiều chị đã cống hiến xuất sắc cho phong trào cách mạng, từng tham gia vào đội ngũ lãnh đạo của phụ nữ, tổ chức Đảng các cấp như chị Chín Mến, chị Mỹ Lan, chị Kiều, chị Vân, chị Cúc, chị Hoa Sen, chị Ba Phấn, chị Sáu Nữ, chị Mười Ẩn, chị Ba Mỹ, chị Năm Lắc, chị Hai Chi. Nối tiếp truyền thống vẻ vang của dân tộc, vượt qua chặng đường vô cùng gian khó mà hào hùng, oanh liệt, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, trực tiếp là Tỉnh ủy, các thế hệ phụ nữ Tây Ninh đã cùng quân, dân liên tục đứng lên theo tiếng gọi của Đảng, của Bác Hồ với chân lý không có gì quý hơn độc lập, tự do, thà hy sinh tất cả chứ nhất quyết không chịu làm nô lệ; luôn đoàn kết một lòng, trường kỳ kháng chiến, anh dũng chiến đấu, kiên trung bám đất, giữ làng, bảo vệ quê hương, đất nước, giành chính quyền về tay Nhân dân từ cơ sở đến tỉnh đã góp phần khắc họa trọn vẹn chân dung người phụ nữ Việt Nam anh hùng, bất khất, trung hậu, đảm đang.  Nhìn lại chặng đường 70 năm của phong trào phụ nữ Tây Ninh, là dịp để thế hệ phụ nữ hôm nay càng nhận thức sâu sắc hơn vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, anh hùng, bất khuất của phụ nữ Tây Ninh qua các thời kỳ, đồng thời tiếp tục giữ gìn, rèn luyện, phát huy giá trị, phẩm chất đạo đức cao đẹp của người phụ nữ, đóng góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh. Trong xu thế phát triển của đất nước, với nhiều thời cơ và thách thức mới, nhưng với truyền thống của phụ nữ Việt Nam, phụ nữ Tây Ninh sẽ vượt qua những rào cản, khắc phục những khó khăn, tham gia đóng góp ngày càng nhiều hơn cho gia đình, cộng đồng, cho phong trào phụ nữ tỉnh nhà, góp phần xây dựng quê hương Tây Ninh ngày càng giàu đẹp. | Tháng 03/2017 | Tháng 03/2019 | 274.3 | Cấp tỉnh |
| 3 | Nghiên cứu chế biến san phẩm nước trái trái cây lên men từ trái mãng cầu ta Tây Ninh | Trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh | PGS.TS Phan Tại Huân | ThS. Nguyễn Minh Hiền; TS Dương Thị Ngọc Dịêp; ThS Lê Thị Thanh; KS Lê Thị Thủy; TS Phan Thị Lan Khanh; ThS Phan Thị Kim Khánh; ThS Ngô Thị Ty Na; Ths Nguyễn Văn Lai | Mãng cầu ta (trái Na) là cây phù hợp với khí hậu nhiệt đới. Tại Việt Nam, Tây Ninh là tỉnh có vườn mãng cầu lớn nhất cả nước, tập trung chủ yếu ở các xã ven chân núi Bà Đen và các vùng phụ cận. Từ hàng chục năm qua, trái mãng cầu Tây Ninh đã được đưa đi tiêu thụ khắp nơi trong nước và có tiềm năng xuất khẩu sang một số nước lân cận rất cao. Tuy nhiên, do đặc điểm của loại trái cây này là mau chín, khó bảo quản được lâu  trong điều kiện tự nhiên nên việc xuất khẩu hoặc vận chuyển đi xa gặp nhiều khó khăn, bất tiện. Đây là một hạn chế của việc mở rộng thị trường tiêu thụ trái mãng cầu ta Tây Ninh. Bên cạnh đó lượng mãng cầu chín sớm, trái kém chất lượng không đạt tiêu chuẩn xuất khẩu hoặc không đủ tiêu chuẩn bán ăn tươi do vậy cũng cần được quan tâm nghiên cứu sử dụng hợp lý và hiệu quả.  Từ trước tới nay, mãng cầu ta chủ yếu được ăn tươi. Trái có nguồn cacbonhydrate và lượng vitamin C cao cùng với nhiều chất khoáng như canxi, phospho và kali. Đây là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến việc bảo quản trái gặp nhiều khó khăn. Trong mùa vụ chính, tỷ lệ trái không đạt xuất khẩu cũng như không được thương lái chấp nhận cho tiêu thụ nội địa khá cao. Việc chế biến sẽ giúp gia tăng giá trị sử dụng. Nhưng thực tế cho thấy hiện nay có rất nhiều nghiên cứu phát triển mãng cầu ta nhưng  chỉ tập trung chủ yếu về các giải pháp kỹ thuật trong nhân giống và nâng cao năng suất trồng. Trên thị trường, các sản phẩm chế biến từ trái mãng cầu ta rất hiếm. Chỉ một vài sản phẩm rượu, nước ép do người dân tự chế biến ở dạng nhỏ và manh mún, chưa có quy mô. Do đó nhằm mục đích nâng cao giá trị sử dụng, giá trị gia tăng, góp phần đa dạng sản phẩm từ trái mãng cầu của Tây Ninh, chúng tôi thực hiện đề tài “Nghiên cứu  chế biến sản phẩm nước trái cây lên men từ trái mãng cầu ta Tây Ninh”. | Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ thu hồi thịt quả mãng cầu ta Tây Ninh là 55,7. Thí nghiệm xử lý chống hóa nâu cũng cho thấy khi chần mãng cầu ở nhiệt độ 75oC trong thời gian 1 phút cho kết quả khả quan nhất.  Dựa trên các kết quả khảo sát và nghiên cứu đã phân lập được 9 nấm men từ trái mãng cầu ta Tây Ninh. Trong đó, tiếp tục thực hiện các thí nghiệm hóa sinh chúng tôi đã tuyển chọn được 4 nấm men có hoạt tính lên men mạnh nhất là NM1, NM5, NM6, NM9. Bốn nấm men được tiến hành định danh bằng bộ kit API 20C AUX cho kết quả là Cryptococcus humicola, Cryptococcus laurentii, Cadida tropicalis, Saccharomyces cerevisiae. Giống nấm men Saccharomyces cerevisiae được lựa chọn để tiến hành so sánh khả năng lên men và cảm quan sản phẩm với Saccharomyces cerevisiae SLS, một loại nấm men được tuyển chọn trong nước. Kết quả cho thấy giống Saccharomyces cerevisiae SLS cho kết quả tốt hơn.  Tiếp tục khảo sát quá trình lên men nước mãng cầu lên men sử dụng các nấm men thương mại ngoại nhập, bao gồm S. uvarum 664; S. cerevisiae 914; S. cerevisiae 854; S. cerevisiae 522. Kết quả cho thấy mãng cầu ta là nguyên liệu rất thích hợp để sản xuất thức uống lên men với nấm men S. cerevisiae 914. Đối với nấm men tự do các yếu tố khảo sát: độ Brix của dịch lên men, tỉ lệ men bổ sung và thời gian lên men đều ảnh hưởng nhiều đến độ Brix, độ cồn cũng như chất lượng của sản phẩm. Các thông số tối ưu cúa các yếu tố khảo sát được xác định bao gồm oBx dịch lên men là 18, tỉ lệ men bổ sung là 2% (v/v) và thời gian lên men 44 giờ sẽ cho ra sản phẩm thu được có oBx là 15,2 độ cồn 3,57%.  Đối với nấm men cố định tế bào nấm men được nhốt trong mạng gel alginate giúp có thể tái sử dụng nhiều lần vàp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí tăng sinh giống khởi động cho từng mẻ lên men. giá trị tối ưu của các yếu tố khảo sát bao gồm độ Brix dịch lên men 18.6, tỉ lệ men bổ sung 2.3% (w/v) so với dịch lên men, thời gian 42 giờ. Sản phẩm thu được có độ Brix là 14.8, độ cồn 5.50 và nhận sản phẩm được đánh giá cảm quan về trạng thái, mùi vị khá tốt . Men cố định có khả năng tái sử dụng bốn lần. | Tháng 07/2017 | Tháng 12/2018 | 522 | Cấp tỉnh |
| 4 | Huy động các nguồn vốn tín dụng cho đầu tư phát triển kinh tế tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 | Trường Đại học Ngân hàng TP HCN | TS Trần Quốc Thịnh | TS. Nguyễn Thị Nhung; TS Nguyễn Thị Loan; TS Nguyễn Ngọc Thạch; TS Nguyễn Thị Mai Hương; TS Đinh Văn Thịnh; TS Phạm minh Tuấn; ThS Kiều Công Minh; CN Nguyễn Đình Bưu Quang; ThS Đào Văn Công | Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế sản xuất cây nhãn qua điều tra xác định các yếu tố giới hạn cần khắc phục, tuyển chọn và giới thiệu giống tốt, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp kỹ thuật canh tác, kỹ thuật bảo quản sau thu hoạch, quảng bá nhãn hiệu hàng hóa và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nhà vườn. | Nội dung 1. Tuyển chọn giống nhãn ưu tú có năng suất cao, chất  lượng ngon phù hợp với điều kiện tự nhiện của huyện Hòa Thành, tỉnh Tây  Ninh  + Hoạt động 1: Đã có 1 báo cáo Điều tra khảo sát nhanh hiện trạng trồng  nhãn trên địa bàn huyện Hòa Thành, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả nghề trồng nhãn trên địa bàn.  + Hoạt động 2: Đã có 1 báo cáo khảo sát, tuyển chọn và bồi dục cá thể  nhãn ưu tú. Đã công nhận được 4 cây nhãn Tiêu Da Bò đầu dòng TDBHT 01,  TDBHT 02, TDBHT 03 và TDBHT 04.  + Chuyên đề 1: Đã xây dựng mô hình trình diễn 4 giống nhãn (Xuồng  Cơm Ráo, Xuồng Cơm Vàng, Ido và Tiêu Da Bò) có năng suất cao và chất  lượng ngon, với diện tích 01 ha ở 3 hộ thuộc xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành,  tỉnh Tây Ninh. Sau 18 tháng trồng cây sinh trưởng và phát triển tốt  + Chuyên đề 2: Thực nghiệm chuyển giống nhanh trên gốc nhãn địa  phương (nhãn Tiêu Da Bò): Đã ghép chuyển đổi giống nhãn Xuồng Cơm Ráo  trên gốc nhãn Tiêu Da Bò 15 năm tuổi bị chổi rồng, năng suất kém. Sau 24  tháng thực nghiệm cây nhãn Xuồng Cơm Ráo đã cho thu hoạch với năng suất đạt 16,34 kg/cây/năm  - Nội dung 2. Nghiên cứu kỹ thuật canh tác cây nhãn nhằm tăng năng  suất, chất lượng trái và hiệu quả sản xuất.  + Chuyên đề 3: Ảnh hưởng của một số loại thuốc sinh học và hóa học đến  việc phòng trừ bệnh thối nâu trên trái nhãn: Thí nghiệm đã được bố trí với 6  nghiệm thức: (1) Phun Aliette 800 WG (Fosetyl aluminium 80%) nồng độ 20  g/8 lít nước; (2) Phun Ridomil gold 68 WP(40 g Metalaxyl và 640 g Mancozeb)  nồng độ 25 g/8 lít nước; (3) Phun VibenC 50 BTN(Benomyl 25%,  Copperoxychloride 25%) nồng độ 25 ml/8 lít nước; (4) Phun  Trichoderma(Trichoderma spp.) liều lượng 4g /8 lít; (5) Phun Agrifos 400 (Acid  phosphonic 400g/l) nồng độ 40 ml/8 lít nước (6) Phun nước lã (đối chứng). Kết quả cho thấy phun Aliette 800 WG (Fosetyl aluminium 80%) nồng độ 20 g/8 lít nước có tỷ lệ bệnh thối nâu giảm từ 52,44 – 52,99%, năng suất tăng 57,34 – 58,80% so với nghiệm thức đối chứng.  + Chuyên đề 4: Khắc phục hiện tượng rụng trái non trên nhãn Tiêu Da  Bò: Thí nghiệm đã được bố trí với 6 nghiệm thức: (1) Phun nước lã (đối chứng); (2) Phun NAA 20 ppm; (3) Phun NAA 40 ppm; (4) Phun GA3 50 ppm; (5) Phun NAA 20 ppm + GA3 50 ppm; (6) Phun NAA 40 ppm + GA3 50 ppm. Kết quả cho thấy phun NAA 20 ppm + GA3 50 ppm giảm tỷ lệ rụng trái non sau 10 tuần59 phun từ 33,69 – 35,63%, năng suất tăng từ 67,59 – 84,56% so với nghiệm thức đối chứng  + Chuyên đề 5: Ảnh hưởng của calcium, magnesium và kali phun trước  thu hoạch đến phẩm chất và hiệu quả bảo quản trái nhãn sau thu hoạch: Thí  nghiệm đã được thực hiện với 5 nghiệm thức: (1) Phun nước lã (đối chứng); (2) Phun CaCl2 nồng độ 1000 ppm; (3) Phun Ca(NO3)2 nồng độ 1500 ppm; (4) Phun MgSO4 liều lượng 5 g/lít và (5) Phun KNO3 liều lượng 4g K2O/lít. Kết quả cho thấy khi phun CaCl2 nồng độ 1000 ppm với liều lượng dung dịch 2 lít/cây vào các thời điểm 30, 40 và 50 ngày sau đậu trái có tác dụng làm tăng độ chắc thịt quả và duy trì được chất lượng quả tốt hơn sau khi thu hoạch ở nhiệt độ phòng đến 6 ngày. Phun K2SO4 có tác dụng làm tăng độ ngọt của quả. | Tháng 12/2017 | Tháng 05/2019 | 367.5 | Cấp tỉnh |
| 5 | Nghiên cứu tuyển chọn giống và kỹ thuật thâm canh nhằm tăng năng suất, chất lượng nhãn huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh | Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hòa Thành | CN. Huỳnh Ngọc Mỹ | KS Vũ Thị Hà; ThS Mai Văn Trị; KS Phạm Thị Hương; KS Trần Thị Vân; KS Lìu Vĩnh Hưng | Mục tiêu chính là đề xuất hệ thống các giải pháp để HĐNVTD cho ĐTPTKT của tỉnh Tây Ninh đến 2025. Các mục tiêu cụ thể gồm phân tích  và đánh giá thực trạng về HĐNVTD cho ĐTPTKT của tỉnh Tây Ninh; phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến HĐNVTD cho ĐTPTKT  của tỉnh Tây Ninh; đề xuất các định hướng, giải pháp, kiến nghị để HĐNVTD cho ĐTPTKT của tỉnh Tây Ninh đến 2025. | Kết quả nghiên cứu này tương đồng với một số nghiên cứu trước có  liên quan trong việc xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến HĐNVTD ngân  hàng. Kiểm định cho thấy có 2 nhân tố ảnh hưởng tích cực đến HĐNVTD  ngân hàng đó là quy định pháp lý của NHNN và cơ sở hạ tầng cũng như  nguồn nhân lực của các ngân hàng, trong đó biến quy định pháp lý của  NHNN có ảnh hưởng mạnh nhất. Điều này cũng giải thích một phần liên  quan đến lý thuyết nền tảng về thu nhập và tăng trưởng trong việc nhìn  nhận về mối quan hệ giữa tiết kiệm của các khách hàng đối với HĐNVTD  của các ngân hàng đến tăng trưởng, phát triển kinh tế của Tỉnh. Kết quả  liên quan đến từng biến ảnh hưởng theo thứ tự từ cao đến thấp, có thể  được thể hiện như sau:  - Hệ số của biến về quy định pháp lý của NHNN bằng 0,582 lớn  hơn 0 thể hiện mối quan hệ cùng biến với biến phụ thuộc HĐNV. Điều  này hàm ý rằng khi môi trường pháp lý của NHNN đảm bảo tính ổn định,  thống nhất và linh hoạt trong cơ chế, chính sách tăng lên thì tương ứng sẽ  thu hút vốn tín dụng của ngân hàng, và ngược lại. Kết quả này tương đồng  với một số nghiên cứu trước có liên quan của Ebebe (2016) và Byusa  (2016).  - Hệ số của biến về cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực của các ngân  hàng bằng 0,280 lớn hơn 0 thể hiện mối quan hệ cùng biến với biến phụ  thuộc HĐNV. Điều này có nghĩa rằng khi cơ sở hạ tầng và nguồn nhân  lực của ngân hàng tăng lên thì sẽ gia tăng thu hút vốn tín dụng của ngân  hàng, và ngược lại. Kết quả này tương đồng với hầu hết các nghiên cứu  trước có liên quan như Aftabi và cộng sự (2013); Byusa (2016); Ebebe  (2016); Gunasekara và Kumari (2018). | Tháng 04/2016 | Tháng 12/2018 | 1229 | Cấp tỉnh |